

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: SINH 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1		
						HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	2213360349	Nguyễn Thành	An	19/08/2005	02YS14C1	8,0	7,0	7,3		7,3	7,3	Đạt
2	2213360370	Lê Nguyễn Tuyết	Anh	15/08/2001	02DD14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
3	2213360371	Lê Đức	Anh	22/07/2002	02DD14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
4	1213360149	Phạm Thanh	Bình	04/09/2005	01DD14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
5	2213360367	Nguyễn Quỳnh	Chi	13/10/2005	02DD14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
6	2213360232	Lê Thúy	Diệu	08/09/2006	02DS14C1	8,0	8,0	8,0		7,0	7,4	Đạt
7	2213360277	Nguyễn Trường Khánh	Duyên	08/3/2005	02DS14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
8	2213360346	Nguyễn Minh	Đức	19/01/2005	02DD14C1	8,0	7,0	7,3		7,0	7,1	Đạt
9	2213360022	Nguyễn Thu	Hà	18/03/2004	02DS14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
10	1213360064	Nguyễn Thị Kim	Hằng	07/09/2006	01DD14C1	8,0	7,0	7,3		6,8	7,0	Đạt
11	2213360157	Trần Thị Thu	Hoài	26/07/1993	02DS14C1	8,0	8,0	8,0		7,8	7,9	Đạt
12	1203360012	Lê Phương	Hồng	23/10/2002	01DS13D1	8,0		2,7	TBKT		1,1	Học lại

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1		
						HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
								4,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
13	1213360006	Vũ	Huy	01/05/2000	01DS14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
14	1223360291	Võ Đức	Huy	16/11/2002	01DS15D1	8,0	9,0	8,7		8,0	8,3	Đạt
15	2203360027	Đặng Thị	Huyền	29/10/1995	02DS14C1	8,0	8,0	8,0		8,0	8,0	Đạt
16	2213360258	Phạm Nguyễn Gia	Hung	28/08/2005	02DD14C1	8,0	8,0	8,0		7,0	7,4	Đạt
17	1213360013	Đinh Thị Thiên	Kim	23/05/1994	01DS14D1	8,0	8,0	8,0		8,8	8,5	Đạt
18	2213360156	Mai Ngọc Thục	Khuê	25/02/2006	02DD14C1	8,0	8,0	8,0		8,3	8,2	Đạt
19	2213360001	Quý Công Huyền Tôn Nữ Cúc	Lam	31/05/2003	02DS14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
20	2213360015	Nguyễn Hoàng	Long	27/03/2000	02DD14C1	9,0	9,0	9,0		8,3	8,6	Đạt
21	2213360250	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	27/12/2006	02DD14C1	8,0	7,0	7,3		6,5	6,8	Đạt
22	2213360313	Trần Văn	Minh	01/06/2004	02YS14C1	8,0	7,0	7,3		7,0	7,1	Đạt
23	1213360058	Lê Trung	Nguyễn	14/01/2005	01DS14C1	4,0	7,0	6,0		6,3	6,2	Đạt
24	1203360181	Huỳnh Thị Khánh	Nhung	16/08/1992	01YS14B1	8,0	7,0	7,3		6,8	7,0	Đạt
25	2213360217	Võ Ngọc Quỳnh	Như	29/01/2006	02DD14C1	8,0	8,0	8,0		6,3	7,0	Đạt
26	2213360070	Hà Đặng An	Phúc	07/11/2005	02DD14C1	9,0	8,0	8,3		9,0	8,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0					6,0
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
27	1213360062	Nguyễn Thanh Tú	Quyên	15/10/2006	01DS14C1	8,0	8,0	8,0		8,3	8,2	Đạt
28	1203360032	Thái Thị Thuỷ	Tiên	01/10/2005	01DS14C1	8,0	8,0	8,0		7,3	7,6	Đạt
29	2213360099	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tiên	21/09/2006	02DD14C1	8,0	7,0	7,3		6,8	7,0	Đạt
30	1213360132	Phạm Đình	Tùng	24/8/1993	01DS14D1	8,0	8,0	8,0		9,4	8,8	Đạt
31	1213360023	Phạm Nguyễn Vân	Tuyền	19/11/2002	01DD14C1	8,0	7,0	7,3		8,0	7,7	Đạt
32	1213360060	Nguyễn Hồng	Thái	21/09/1988	01YS14D1	8,0	8,0	8,0		7,4	7,6	Đạt
33	2213360060	Trịnh Thanh	Thanh	12/10/2006	02DD14C1	7,0	7,0	7,0		6,3	6,6	Đạt
34	2213360062	Lâm	Thành	29/04/1996	02DS14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
35	1213360041	Lê Nguyễn Anh	Thư	18/02/2000	01DS14D1	7,0	7,0	7,0		8,6	8,0	Đạt
36	2213360097	Giang Quỳnh	Thương	21/07/2006	02DS14C1	7,0	9,0	8,3		5,8	6,8	Đạt
37	2213360178	Lê Thị	Thương	10/12/1998	02DS14C1	9,0	8,0	8,3		7,8	8,0	Đạt
38	2213360317	Lê Ngọc Vĩnh	Trường	20/07/2005	02YS14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
39	2213360063	Phan Tuấn	Vĩ	21/04/2004	02DD14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
40	1213360122	Trần Quốc	Vũ	10/2/1982	01YS14D1	8,0	8,0	8,0		9,2	8,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41	1213360014	Đặng Thị Như Ý	21/06/2006	01DS14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại	